

Bản án số: **109/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/11/2024.

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN TP R

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán

Các Hội thẩm N dân: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án N dân Tp R.

Đại diện Viện kiểm sát N dân Tp R thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân Tp R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N gia đình thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chí N**, sinh năm 1974. (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Lan C**, sinh năm 1975. (*Có mặt*)

Địa chỉ: D5-83 Nguyễn Văn Tổ, phường Vĩnh Lạc, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn ông Nguyễn Chí N trình bày:** Tôi và cô Nguyễn Thị Lan C chung sống với nhau từ năm 1994 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn hòa hợp như trước đây. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố là tôi và cô Nguyễn Thị Lan C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông N xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Hiệu sinh ngày 20/11/1995 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:** Về quan hệ hôn N, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung bà C đều thống nhất theo ý kiến của ông N. Ngoài ra bà C không có ý kiến.

- Về hôn N: Bà C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N.

- Về con chung: Bà C xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Hiệu sinh ngày 20/11/1995 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân Tp R.

Nguyên đơn ông Nguyễn Chí N có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chí N nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Chí N và bà Nguyễn Thị Lan C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đời sống chung không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà C. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà C hoàn toàn thống nhất theo yêu cầu ly hôn của ông N.

Xét quan hệ hôn N giữa ông N và bà C đã không tuân thủ các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn N và gia đình năm 2000: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 sau nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận ông Nguyễn Chí N và bà Nguyễn Thị Lan C là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông N và bà C xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Hiệu, sinh ngày 20/11/1995, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông N và bà C xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Ông N và bà C xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn N gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Chí N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn N và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Không công nhận ông Nguyễn Chí N và bà Nguyễn Thị Lan C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ông N và bà C xác nhận có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Hiệu, sinh ngày 20/11/1995 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông N và bà C xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông N và bà C xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Chí N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn N gia đình sơ thẩm. Ông N được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007660 ngày 25/10/2024 tại C cục thi hành án dân sự Tp R, ông N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

- VKSND Tp. R;
- C cục THA dân sự Tp. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thanh Loan

**TÒA ÁN N DÂN
TP R
TỈNH KIÊN GIANG**
---☞☛---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---☞☛---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 24 tháng 9 năm 2024

Tại trụ sở TAND Tp R

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm N dân: Bà **Trần Thị Lệ** và ông **Mai Văn Bé Em**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 296/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Long, **sinh năm 1981**

Địa chỉ cư trú: Số 83B Khu phố 6, P. Vĩnh Thông, TP. Rạch Giá, Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Ngọc, **sinh năm 1982**

Địa chỉ cư trú: Số 83B Khu phố 6, P. Vĩnh Thông, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn N và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Không công nhận ông Nguyễn Thanh Long và ông Ngô Thị Ngọc là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Tuyền, sinh ngày 03/10/2013 cho bà Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Long không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với người con chung tên Nguyễn Thanh Tiến, sinh ngày 28/11/2004 đã trưởng thành, ông Long và bà Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Long được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông Long và bà Ngọc xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông Long và bà Ngọc xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Long phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn N gia đình sơ thẩm. Ông Long được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004766 ngày 13/6/2024 tại Cục thi hành án dân sự Tp R, ông Long không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....phút ngày 24 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa